TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số**: 288/**2021/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường H, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn:* Anh **Vũ Anh T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Q và anh Vũ Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Vũ Văn H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2012 cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị Q không yêu cầu) và anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị Q và anh Vũ Anh T cùng xác nhận không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Trần Thị Q và anh Vũ Anh T cùng xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Q tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0001174 ngày 24/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Trần Thị Q số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Vũ Anh T không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADSTP Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND P. Hưng Thành, TP Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án + Toà án.

Thẩm phán

Đào Thị Thu Thuỷ